

Số: 39/TB-STNMT

Thái Bình, ngày 18 tháng 7 năm 2018

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG THÁI BÌNH

ĐẾN Số: 2462
Ngày: 19/7

Chuyển:

Lưu hồ sơ số: Thực hiện

THÔNG BÁO KẾT QUẢ

Quan trắc môi trường tỉnh Thái Bình tháng 7 năm 2018

Thực hiện chương trình quan trắc môi trường tỉnh Thái Bình năm 2018. Căn cứ kết quả quan trắc, phân tích của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo chất lượng môi trường tỉnh Thái Bình tháng 7/2018 như sau:

Môi trường nước mặt lục địa: 04 điểm (Có phụ lục kèm theo).

Nhận xét, đánh giá:

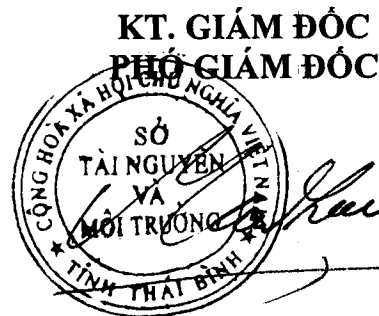
Từ kết quả quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường như sau:

Môi trường nước mặt lục địa so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. (Cột A₂ - Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các mục đích sử dụng như loại B₁ và B₂) cho thấy: Một số điểm quan trắc có các thông số COD; BOD₅; TSS; NH₄⁺; NO₂⁻; Coliform vượt quy chuẩn như: Nước sông Kiến Giang tại ngã ba Phúc Khánh, thành phố Thái Bình thông số COD vượt 1,87 lần; NH₄⁺ vượt 3,47 lần; NO₂⁻ vượt 1,92 lần; tại ngã ba Vân Trường, giữa huyện Tiền Hải và huyện Kiến Xương thông số COD vượt 1,53 lần. Nước sông Long Hậu tại cầu Long Hậu, huyện Tiền Hải thông số COD vượt 1,80 lần; NO₂⁻ vượt 2,12 lần...

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo tới Quý cơ quan để biết và sử dụng. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp & PTNT;
- Công TTĐT của tỉnh, Sở TN&MT;
- Lưu: VT, QT.



Nguyễn Mạnh Lực



PHỤ LỤC: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT LỤC ĐỊA THÁNG 7

(Kèm theo thông báo số 39 ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích				QCVN 08-MT: 2015/BTNMT (cột A2)
				Nước sông Hồng tại cống Kem, xã Minh Tân, huyện Kiến Xương;	Nước sông Kiến Giang tại ngã ba Phúc Khánh, thành phố Thái Bình;	Nước sông Kiến Giang tại ngã ba Vân Trường, giữa huyện Tiền Hải và huyện Kiến Xương;	Nước sông Long Hậu tại cầu Long Hậu, huyện Tiền Hải.	
01	pH		TCVN 6492 - 2011	7,6	7,5	7,5	7,3	6 - 8,5
02	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	7	12	9	9	6
03	COD	mg/l	SMEWW 5220C - 2012	17	28	23	27	15
04	DO	mg/l	TCVN 7325 - 2004	6,2	3,5	5,5	3,6	≥ 5
05	TSS	mg/l	TCVN 6625 - 2000	40	38	38	43	30
06	NH ₄ ⁺	mg/l	TCVN 6179:1-1996	0,232	1,04	0,459	0,850	0,3
07	Cl ⁻	mg/l	TCVN 6194 - 1996	67,35	60,85	102,84	175,20	350
08	NO ₂ ⁻	mg/l	TCVN 6178 - 1996	0,050	0,096	0,063	0,106	0,05
09	PO ₄ ³⁻	mg/l	TCVN 6202 - 2008	0,134	0,196	0,194	0,158	0,2
10	As	mg/l	SMEWW 3114B - 2012	< 0,002	0,002	< 0,002	< 0,002	0,02
11	Pb	mg/l	SMEWW 3113B - 2012	0,007	0,014	0,007	0,007	0,02
12	Cr ⁶⁺	mg/l	TCVN 6658 - 2000	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	0,02
13	Cu	mg/l	SMEWW 3113B - 2012	0,003	0,006	0,002	0,003	0,2

14	Hg	mg/l	TCVN 7877 - 2008	< 0,0001	< 0,0001	< 0,0001	< 0,0001	0,001
15	Fe	mg/l	SMEWW 3111B - 2012	0,824	0,948	0,936	0,864	1
16	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622-1:2000	0,06	0,09	0,06	0,08	0,2
17	Benzene hexachloride	µg/l	TCVN 9241 - 2012	< 0,005	< 0,005	< 0,005	< 0,005	0,02
18	Dieldrin	µg/l		< 0,012	< 0,012	< 0,012	< 0,012	0,1
19	Tổng dầu, mỡ	mg/l	TCVN 5070 - 1995	< 0,3	0,420	< 0,3	< 0,3	0,5
20	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-1:2009	5×10^3	$9,5 \times 10^3$	$6,8 \times 10^3$	6×10^3	5.000

QCVN 08-MT: 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Cột A₂ - Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các mục đích sử dụng như loại B₁ và B₂.